

Bản án số: 83/2022/DS-PT

Ngày: 07-9-2022

*V/v Tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án
theo quy định pháp luật về thi
hành án dân sự*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Viết Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLPT ngày 05/7/2022 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn B, sinh năm 1987; Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Thái H1, sinh năm 1978; Địa chỉ liên hệ: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước đường Trần Hưng Đạo, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Sao Nhúc K, sinh năm 1957 (có mặt)

Ông Lưu Văn S, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền của ông Lưu Văn S: Bà Sao Nhúc K.

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sao Nhúc K: Bà Phan Thị V,

sinh năm 1984 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước.
Địa chỉ liên hệ: Đường Trần Hưng Đạo, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đào Thị H2, sinh năm 1956 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1955 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;

Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Đăng T, sinh năm 1976 – Chấp hành viên; Địa chỉ trụ sở: Thôn Tân Bình, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lưu Văn B, Trịnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H và người đại diện ủy quyền ông Đặng Thái H thống nhất trình bày:

Năm 2007, ông Lưu Văn S, bà Sao Nhức K (cha mẹ ông bà) có cho vợ chồng ông bà thừa đất diện tích 25.088m² thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02 tại Thôn 5, xã L, đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273, số vào sổ H 02290/CN do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông S, bà K, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi cho thì vợ chồng ông bà đã tạo dựng nhà, trồng và chăm sóc các loại cây trồng trên đất để quản lý, sử dụng từ năm 2007 cho đến nay.

Do ông S, bà K có nợ tiền ông H3, bà H2, ngày 30/9/2013, Tòa án nhân dân huyện B xét xử tuyên xử buộc ông S bà K trả cho ông H3, bà H2 số tiền 1.538.225.000 đồng và ông H3, bà H2 có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 cho ông S, bà K tại Bản án số 28 ngày 30/9/2013.

Ngày 05/4/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ra Quyết định số 30 về việc Cưỡng chế kê biên tài sản là QSD đất và toàn bộ tài sản trên đất để thi hành Bản án số 28 ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện B. Quá trình thi hành án thì có tài sản trên đất là của vợ chồng ông bà nên Chi cục Thi hành án đã thông báo yêu cầu các bên xác định phần tài sản trong khối tài sản chung theo quy định.

Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết công nhận các tài sản trên thửa đất 25.088m² là tài sản chung của ông bà, gồm: 01 căn nH1cấp 4 diện tích 112,9m² và sân hàng rào Bo quanh; 01 căn nH1gỗ diện tích 99,8m²; 01 giếng khoan 60m; 01 giếng đào sâu 25m; 900 cây cao su trồng từ năm

2007; 400 cây cao su trồng năm 2010; 35 cây điều trồng 2007; 02 cây mít trồng 2007; 01 cây mận trồng 2007.

Bị đơn ông Lưu Văn S, bà Sao Nhức K (do bà K làm đại diện) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà Phan Thị V thống nhất trình bày:

Năm 2007, ông bà có cho vợ chồng B, H1 thửa đất diện tích 25.088m² thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02 tại thôn 5, xã L, đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273, sổ vào sổ H 02290/CN do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông S, bà K, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Trên đất có một số cây điều, quýt, sau khi cho B, H1 đã phá bỏ cây quýt để trồng cao su và một số cây trồng khác. Từ năm 2007 đến nay B H1 trực tiếp quản lý, sử dụng và tạo dựng nhà, trồng và chăm sóc cây trồng trên đất hiện nay.

Năm 2012, do vợ chồng ông bà mượn tiền của ông H3, bà H2, không có khả năng trả nợ nên Tòa án nhân dân huyện P đã tuyên xử buộc ông bà trả nợ cho ông H3, bà H2 số tiền 1.538.225.000 đồng; ông H3, bà H2 có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 cho ông bà. Đến năm 2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã ra quyết định cưỡng chế kê biên thửa đất 25.088m² cùng toàn bộ tài sản trên đất và thông báo cho các bên khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu trong khối tài sản chung nêu trên. Việc B H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên thửa đất 25.088m² là đúng nên ông bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của B, H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H3, bà Đào Thị H2 thống nhất trình bày:

Năm 2012, vợ chồng S, K vay tiền của ông bà để trả nợ Ngân hàng, đồng thời thế chấp thửa đất 25.088m² theo Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273 cho ông bà. Khi đến hạn trả nợ thì ông bà S, K đồng ý cần trừ 02ha (trong tổng số 2,5ha) đất để trả nợ (chừa lại 0,5ha và căn nhà cho vợ chồng B H1 ở). Sau đó, ông bà S, K không thực hiện theo thỏa thuận nên ông bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện B yêu cầu ông bà S, K trả nợ, Tại bản án số 28 ngày 30/9/2013, Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử buộc ông bà S, K trả nợ cho ông bà số tiền 1.538.225.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông bà yêu cầu thi hành án thì được biết thửa đất trên S K đã tẩu tán bằng cách làm thủ tục tặng cho toàn bộ QSD đất cho con gái tên Lưu Thị Ngọc và Hoàng Văn Chiến để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Sau đó ông bà đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện P để yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho này và được Tòa án nhân dân huyện P xét xử tại bản án số 06 ngày 29/6/2016 và Bản án số 93 ngày 26/9/2016 tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa ông bà S, K với Thủy, Chiến để đảm bảo thi hành án. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã tiến hành cưỡng chế, kê biên và bán đấu giá để thi hành án thì

con trai ông bà S, K là ông Lưu Văn B tranh chấp. Ngày 23/8/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P có Thông báo số 120, để thông báo cho các bên liên quan khởi kiện ra Tòa án để giải quyết nhưng hết thời hạn lại không thực hiện nên Chi cục thi hành tiếp tục thi hành, bán đấu giá sau nhiều lần không bán được nên đã thông báo cho ông bà đứng ra nhận tài sản bán đấu giá, đồng thời yêu cầu ông bà nộp toàn bộ các chi phí liên quan thi hành án thì ông bà đã thực hiện việc nộp tiền, chi cục thi hành án đã lập biên bản bàn giao tài sản cho ông bà thì vợ chồng ông B, bà H1 khởi kiện ra Tòa án tranh chấp tài sản trên đất là không có căn cứ bởi vì: Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp cho ông bà S, K, năm 2013 làm thủ tục tặng cho Ngọc, Chiến thì B, H1 không có ý kiến gì, tiếp đó khi Chi cục thi hành án kê biên tài sản thì lại tranh chấp nhưng lại không khởi kiện, tiếp đó khi cơ quan thi hành án giao tài sản cho ông bà thì lại làm đơn khởi kiện nhằm Kdài thời gian, cản trở việc thi hành án.

Ông bà cho rằng thừa đất và toàn bộ tài sản trên đất là của ông bà S, K, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H1 để đảm bảo việc thi hành án cho ông bà.

Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, ông Trần Đăng T trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2013/DSST, ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tuyên buộc ông S, bà K có trách nhiệm trả cho bà H2 ông H3 số tiền là: 1.538.225.000đ, lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình thi hành án, do bên phải thi hành án là ông S, bà K không tự nguyện thi hành án nên cơ quan Thi hành án đã xác minh và xử lý, kê biên, bán đấu giá tài sản để thi hành án là quyền sử dụng đất có diện tích 25.088m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà K.

Trong quá trình kê biên, xử lý tài sản nêu trên của ông S và bà K thì ông B là con trai cho rằng tài sản gắn liền với đất (cây trồng và căn nhà ở) là của ông B chứ không phải tài sản của ông S và bà K. Trên cơ sở ý kiến của ông B, căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã có Thông báo số 120/TB-CCTHADS ngày 23 tháng 8 năm 2019, thông báo cho ông B và người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền khởi kiện tại Tòa hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo. Hết thời hạn 30 ngày theo quy định nhưng các đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tiếp tục bán đấu giá tài sản để thi hành án. Sau nhiều lần giảm giá tài sản do không có người tham gia đấu giá, cơ quan Thi hành

án đã thông báo cho người được thi hành án có quyền nhận lại tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án thì ông Nguyễn Văn H3 – bà Đào Thị H2 là người được thi hành án có đơn yêu cầu được nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án. Chi cục đã thông báo đồng ý cho ông H3, bà H2 được nhận tài sản, sau đó ông H3, bà H2 đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền theo thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chi cục đã thông báo cho ông S, bà K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án. Đến ngày 08/12/2020, vợ chồng ông B, bà H1 mới tiến hành làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết đối với các tài sản bị kê biên như đã nêu trên thì được Tòa án nhân dân huyện P tiến hành thụ lý vụ án theo Thông báo số 63/2021/TB-TLVA, ngày 14/7/2021.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đề nghị Tòa án nhân dân huyện P tuyên bác đơn khởi kiện của ông B, bà H1 và công nhận toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất như đã nêu trên là tài sản của ông S, bà K đúng theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng trình bày:

Bà Đào Thị Thủy trình bày: Vào khoảng năm 2010-2011 bà có bán vật liệu xây dựng nH1 cho bà K để xây dựng nhà tại thôn 5, xã L, việc mua bán vật liệu thì bà K trực tiếp mua và trả tiền, khi mua bán thì có sổ sách, bà xác định chỉ cung cấp một phần vật liệu xây dựng nhà, còn số tiền cụ thể thì đã lâu nên không nhớ.

Ông Nghiêm Quỳnh Trung trình bày: Ông là trưởng thôn 5, xã L và sinh sống ở địa phương. Ông biết gia đình bà K, S có thửa đất tại thôn 5, xã L, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Nghiêm Văn Bình, lúc mua trên đất có 01 căn nhà gỗ, cây điều, cà phê. Sau đó gia đình ông bà S, K có tạo dựng thêm nH1 cấp 4, cây cao su và một số cây trồng khác nhưng ông không biết ai trực tiếp tạo dựng, ông chỉ biết vợ chồng ông B, bà H1 quản lý, sử dụng từ khi xây dựng nhà cho đến nay.

Ông Dương Văn Bé trình bày: Ông có đất rẫy liền kề với đất của ông B, bà H1 tại Thôn 5, Xã L. Ông biết nguồn gốc thửa đất hiện tại ông B, bà H1 đang sử dụng là của ông Bình chuyển nhượng lại cho ông S, bà K, sau đó tặng cho ông B, bà H1 để ra ở riêng. Khi mua thì trên đất có căn nhà gỗ, một ít cao su, cà phê, điều, bưởi. Sau đó ông B, bà H1 về quản lý, sử dụng trồng thêm cao su, làm nhà để quản lý, sử dụng cho đến nay, còn cây điều, cà phê thì chết dần nên còn vài cây trên đất.

Ông Nghiêm Văn Năm trình bày: Ông là hàng xóm với nhà ông B, bà H1 tại Thôn 5, Xã L. Ông biết nguồn gốc thửa đất hiện tại ông B, bà H1 đang sử dụng là của ông Bình chuyển nhượng lại cho ông S, bà K, sau đó tặng cho ông B, bà H1 để ra ở riêng từ năm 2007 cho đến nay. Ông có chứng kiến trong quá trình quản lý, sử dụng thì ông B, bà H1 trực tiếp tạo dựng nhà, trồng cao su và cây trồng trên đất và

chăm sóc, sử dụng cho đến nay. Còn nguồn tiền để làm nhà, trồng cao su thì ông không biết.

Ông Võ Thành Liễu trình bày: Ông là người trực tiếp đứng ra nhận thầu xây dựng nhà cho ông B, bà H1 vào năm 2010, theo đó ông nhận làm công xây dựng nhà, còn ông B, bà H1 thì mua vật tư. Quá trình xây nhà thì ông làm việc trực tiếp với ông B, bà H1 và nhận tiền công từ ông B, bà H. Còn nguồn tiền xây dựng nhà thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự;

Xác định toàn bộ tài sản tài sản trên thửa đất 25.088m² thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02 tại thôn 5, xã L, đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273, sổ vào sổ H 02290/CN do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông S, bà K, các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 142,2m²; 01 nhà tạm bằng gỗ diện tích 58,56m²; 01 mái che phía trước nhà tạm diện tích 43m²; 01 sân xi măng diện tích 281,67m²; cửa cổng bằng sắt, hai bên có 02 trụ xây bằng gạch; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 15m; 01 giếng khoan sâu 60m; 1060 cây cao su (trong đó có 900 cây trồng năm 2007, và 160 cây trồng năm 2010); 29 cây điều; 06 cây bưởi; 01 cây mận; 01 cây mít; 01 cây chanh; 01 cây bình linh; 01 cây gỗ rừng; 01 ngôi mộ xây gạch; 10 bụi chuối; 01 cây dừa; 01 cây mai (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện P) là tài sản chung của vợ chồng ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H và vợ chồng ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K, theo đó:

+ Ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H sở hữu 70% giá trị tài sản.

+ Ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K sở hữu 30% giá trị tài sản.

Trường hợp ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H có nhu cầu sử dụng toàn bộ tài sản trên đất thì phải thanh toán cho ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K 30% giá trị tài sản trên đất. Trị giá tài sản được xác định theo kết luận định giá của cơ quan chuyên môn tại thời điểm định giá hoặc kết quả đấu giá theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/4/2022 nguyên đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận tất cả các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông B, bà H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ

nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sao Nhúc K trình bày: Bản án sơ thẩm xác định phần công sức cho ông B, bà H1 tương ứng 70% và ông S bà K là 30% giá trị tài sản là chưa hợp lý, khách quan. Bởi công sức đóng góp của ông B, bà H1 là từ năm 2007 đến nay. Còn bà K làm ăn thua lỗ, ông S bị bệnh có cuộc sống bần hàn nên không đóng góp tài sản gì. Tôi đề nghị tăng công sức đóng góp giá trị tài sản cho ông B, bà H1 90%; ông S bà K là 10%. Do có sự nghịch lý này bởi ông S bà K là cha mẹ của ông B, bà H. Tài sản tranh chấp ông S bà K đã cho ông B, bà H1 từ lâu để lập nghiệp. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Năm 2013 Tòa án nhân dân huyện B tuyên buộc ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị H2, ông Nguyễn Văn H3 số tiền 1.538.225.000 đồng. Ông S, bà K không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H2, ông H3 có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P kê biên quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất diện tích đất 25.088m² thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02 tại thôn 5, xã L, đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273, sổ vào sổ H 02290/CN do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông S, bà K.

Quá trình kê biên, xử lý tài sản nêu trên thì vợ chồng ông B, bà H1 có tranh chấp và cho rằng tài sản gắn liền với đất là tài sản của vợ chồng ông B không phải của ông S, bà K.

Xét, nguồn gốc thửa đất 25.088m² thuộc quyền sử dụng của ông S, bà K đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2007 đứng tên ông S, bà K. Ông B, bà H1 cho rằng sau khi vợ chồng cưới nhau vào năm 2007 thì ông S, bà K (cha mẹ) đã cho thửa đất cùng tài sản trên đất để vợ chồng ra ở riêng, mặc dù việc tặng cho này các bên không có chứng cứ, chứng minh nhưng căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng thì có cơ sở xác định ông B, bà H1 đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất từ năm 2007 cho đến nay.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản xác minh tại Nông trường 6 công ty cao su Phú Riềng xác định: Các tài sản trên thửa đất 25.088m² là tài sản chung của ông S, bà K và ông B, bà H. Việc ông S, bà K tặng cho ông B, bà H1 thửa đất và tài sản trên đất chỉ nói miệng, không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với đất và tài sản trên đất theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý thửa đất và tài sản trên đất vẫn thuộc quyền sử dụng của ông S, bà K. Điều này cũng được thể hiện ở việc ông S, bà K vẫn sử dụng quyền sử dụng đất này để thế chấp tại Ngân hàng và sau đó thế chấp để vay tiền của ông H3, bà H2. Do đó, việc ông B, bà H1 tạo dựng thêm tài sản trên thửa đất thuộc quyền sử dụng ông S, bà K vẫn có một phần quyền lợi của ông S, bà K đối với các tài sản này.

Về công sức đóng góp tạo dựng tài sản trên đất: Như đã nhận định ở trên, các tài sản trên đất chủ yếu được tạo dựng sau khi giao cho ông B, bà H1 quản lý, sử dụng, đồng thời ông B, bà H1 là người trực tiếp quản lý, tạo dựng, chăm sóc làm tăng giá trị tài sản nên cần xác định phần công sức cho ông B, bà H1 tương ứng với 70% giá trị tài sản và ông S, bà K là 30% giá trị tài sản là phù hợp.

Mặc dù nhận định của cấp sơ thẩm phù hợp nhưng cấp sơ thẩm có sai sót trong cách tuyên án. Tuy nhiên không cần phải hủy án mà chỉ cần điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông B, bà H1 không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 207, 209, 212, 213 và 219 Bộ luật dân sự; các Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự;

Xác định toàn bộ tài sản trên thửa đất 25.088m² thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02 tại thôn 5, xã L, đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AH 534273, sổ vào sổ H 02290/CN do UBND huyện Phước Long cấp ngày 13/3/2007 đứng tên ông S, bà K, các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 142,2m²; 01 nhà tạm bằng gỗ diện tích 58,56m²; 01 mái che phía trước nhà tạm diện tích 43m²; 01 sân xi măng diện tích 281,67m²; cửa cổng bằng sắt, hai bên có 02 trụ xây bằng gạch; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 15m; 01 giếng khoan sâu 60m; 1060 cây cao su (trong đó có 900 cây trồng năm 2007, và 160 cây trồng năm 2010); 29 cây điều; 06 cây bưởi; 01 cây mận; 01 cây mít; 01 cây chanh; 01 cây bình linh; 01 cây gỗ rừng; 01 ngôi mộ xây gạch; 10 bụi chuối; 01 cây dừa; 01 cây mai (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện P) là tài sản chung của vợ chồng ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H và vợ chồng ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K, theo đó:

+ Ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H sở hữu 70% giá trị tài sản.

+ Ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K sở hữu 30% giá trị tài sản.

Trường hợp ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H có nhu cầu sử dụng toàn bộ tài sản trên đất thì phải thanh toán cho ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K 30% giá trị tài sản trên đất. Trị giá tài sản được xác định theo kết luận định giá của cơ quan chuyên môn tại thời điểm định giá hoặc kết quả đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Bằng chữ: B trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.575.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012284, sổ vào sổ 0246 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Hoàn trả lại cho ông Lưu Văn B, bà Trịnh Thị H số tiền 10.275.000 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông Lưu Văn S, bà Sao Nhúc K không phải chịu án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Văn B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015761 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015760 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga